TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2024
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Tám

Ông Nguyễn Ngọc Thạch

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Danh Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2024 về việc "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024, Thông báo mở lại phiên toà số 01/2024/TB-TA ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị P ngày: 08/8/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh có mặt

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H ngày: 10/02/1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Hồ Thị P1 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H1 sau thời gian tự do tìm hiểu, yêu đương đã đăng ký kết hôn ngày 11/01/2008, tại Ủy ban nhân dân xã H14, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, theo số đăng ký: 04, quyển số 01/2008. Gia đình tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnhvà có 02 con chung. Trong thời gian sống chung, nhiều lần anh Bùi Văn H2 hành vi đánh đập, không quan tâm, yêu thương và chăm lo cuộc sống gia đình. Từ đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị P3 H ly thân từ năm 2023, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Hồ Thị P4 kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H1 có 02 con chung là Bùi V H1sinh ngày: 22/10/2008 và Bùi Hồ Quỳnh A, sinh ngày: 28/10/2014, hiện nay các con đang được chị Hồ Thị P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P5 cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn H3 hợp tác làm việc, không trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Hồ Thị P4 kiện. Toà án tiến hành xác minh qua thân nhân của anh H4 bà Phan Thị H5– mẹ đẻ anh H6 H2cho biết anh Bùi Văn H7 đang đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà TĩnhTuy nhiên, hiện nay anh H3 có mặt tại địa phương, địa chỉ cụ thể bà không biết và không cung cấp được cho Toà án. Anh Bùi Văn H8 nhận được đầy đủ thông tin về Thông báo thụ lý vụ án và có phản hồi là anh không gửi văn bản, không đến Toà án làm việc cũng như không có ý kiến gì về nội dung chị P4 kiện. Về tài sản và các con anh cũng không có ý kiến.

Qua xác minh, B Cán sự thôn Đvà đại diện Ủy ban nhân dân xã H khẳng định anh Bùi Văn H7 đang đăng ký thường trú tại địa phương tuy nhiên hiện anh H9 đâu, làm gì thì địa phương không biết, không nắm bắt được thông tin.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị P1, xử cho chị Hồ Thị P1 ly hôn anh Bùi Văn H1; giao hai con chung Bùi Việt H1sinh ngày: 22/10/2008 và Bùi Hồ Quỳnh A, sinh ngày: 28/10/2014 cho chị Hồ Thị P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Chị Hồ Thị P1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H7 nay đang đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn H3 có mặt tại địa phương. Toà án đã tiến hành xác minh địa chỉ thường trú, niêm yết văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn H8 tiếp nhận được nội dung Thông báo thụ lý vụ án, phản hồi ý kiến qua thân nhân nhưng không hợp tác làm việc cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến. Theo Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử của Toà án nhân dân tối cao số 02/TANDTC-PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại khoản 9 Mục IV thì anh Bùi Văn H10 xác định là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Anh Bùi Văn H8 được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên toà hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; phiên tòa được mở lần hai. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn H11 quy định của pháp luật.

[1.4] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh địa chỉ thường trú của đương sự và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 95, 96, 98, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Anh Bùi Văn H8 được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc cũng như không tham gia phiên hoà giải. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án đã ban hành Thông báo số 07/2024/TB-TA, ngày 06/3/2024 về việc vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H1 hôn nhân tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 11/01/2008, tại Ủy ban nhân dân xã H14, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H12 hợp pháp.

[2.1.2] Theo trình bày của chị Hồ Thị P1, mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vợ chồng sống chung và trở nên trầm trọng từ năm 2023. Hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi do không tin tưởng, bất đồng quan điểm, lối sống Anh H8 bỏ đi nơi khác sinh sống, không quan tâm đến vợ con. Chị P khẳng định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[2.1.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ… nhưng hôn nhân của chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H1 không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.1.4] Tại điểm a.1, a.3 khoản a Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Căn cứ cho ly hôn: ...Được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi: Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống…", "a.3. Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng".*

[2.1.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51*); *"Ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* (khoản 1 Điều 56).

[2.1.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H1 không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị P1 như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H13 hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Hồ Thị P2 anh Bùi Văn H1 02 con chung là Bùi V H1sinh ngày: 22/10/2008 và Bùi Hồ Quỳnh A, sinh ngày: 28/10/2014. Chị Hồ Thị P6 cầu Toà án giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho chị. Quá trình giải quyết vụ án, anh H3 trình bày ý kiến về việc nuôi con. Xét thấy, từ nhỏ đến nay, các con chung được chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Con chung phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, anh Bùi Văn H2 thời gian dài đi chấp hành án phạt tù từ năm 2008 đến năm 2010 về tội "Cố ý gây thương tích" và năm 2014 đến năm 2022 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; hiện nay anh Bùi Văn H3 có mặt tại địa phương. Mặc dù anh H8 tiếp nhận được thông tin về nội dung chị P4 kiện nhưng không hợp tác làm việc cũng không trình bày ý kiến là tự từ bỏ quyền, lợi ích cũng như nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, môi trường sống cho các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung cho chị

Hồ Thị P1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng pháp luật.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hồ Thị P1 không yêu cầu nên miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Hồ Thị P1 phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị P1, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị P ngày: 08/8/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và anh Bùi Văn H ngày: 10/02/1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh: Ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Việt H1sinh ngày: 22/10/2008 và Bùi Hồ Quỳnh A, sinh ngày: 28/10/2014 cho chị Hồ Thị P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

Anh Bùi Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Hồ Thị P1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Hồ Thị P1 đã nộp theo Biên lai số 0012411 ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Nữ Ngọc Diệp